TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày 09/6/2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Lam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Linh, ông Nguyễn Tất Thế

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Hoa, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Thanh H, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 55/2023/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2023;

- Nguyên đơn: Chị Kiều Thị D, sinh năm 1993; nơi ĐKNKTT: Thôn M, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Có đơn xin giải quyết vắng mặt

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn T; sinh năm: 1984; Nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: Thôn M, xã C, huyện C, tinh H; Hiện đang lao động ở Nhật Bản. Có ý kiến xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Kiều Thị D trình bày*:

- *Về hôn nhân*: Chị Kiều Thị D và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn với nhau ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với bố mẹ anh T ở thôn M, xã C, huyện C. Tình cảm vợ chồng hòa thuận được khoảng 01 năm, kể từ khi chị D sinh con thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Đến khoảng năm 2019, anh T đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản, vợ chồng

xa nhau, anh T thường nghe lời bố mẹ, anh, chị, em bên chồng không tin tưởng vợ nên mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Anh T không còn quan tâm đến vợ con, thậm chí chặn mọi hình thức liên lạc với chị D. Chị D đã đưa con về nhà mẹ đẻ sinh sống từ đó đến nay. Hiện tại, chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 17/8/2018. Nguyện vọng của chị D là được quyền trực tiếp nuôi con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Toà giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn T do đang xuất khẩu lao động ở Nhật Bản nên không có mặt để làm việc với Tòa án. Tại buổi làm việc ngày 18/4/2023, tại nhà ông Nguyễn Văn T1, bà Bùi Thị M ở thôn M, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, với sự chứng kiến của chính quyền địa phương xã C, đại diện Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, ông Nguyễn Văn T1 đã gọi điện bằng hình ảnh cho anh T để anh T trình bày quan điểm của mình cho Tòa án lập Biên bản ghi chép lại, cụ thể: Về nội dung các yêu cầu khởi kiện của chị D và các văn bản thông báo làm việc của Tòa án, thông qua các cuộc gọi với gia đình, anh T đã nắm bắt được đầy đủ. Hiện tại, do đang làm việc ở nước ngoài nên anh T không thể về tham gia giải quyết vụ việc tại Tòa án được. Anh T thống nhất ủy quyền cho bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Văn T1, bà Bùi Thị M1 trực tiếp giao nhận các văn bản, tài liệu của Tòa án và thông báo lại cho anh T biết. Quan điểm của anh T về vụ án như sau: Về quan hệ hôn nhân: Ý kiến anh T cơ bản thống nhất với chị D về thời gian kết hôn, chung sống cũng như tình trạng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng và cũng thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 17/8/2018. Anh T cũng thống nhất như nguyện vọng của chị D, đề nghị Toà án giao con chung cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình, Tòa án tiến hành xác minh tại ông Nguyễn Văn T1, bà Bùi Thị M1, bố mẹ đẻ anh T khẳng định: Các tài liệu, văn bản của Tòa án gửi về, ông bà đã nhận được đầy đủ và đã thông báo lại cho anh T được biết. Còn về quan hệ hôn nhân của anh anh T, chị D, ông bà đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết, ông bà không can thiệp.

Chính quyền địa phương xã C cũng đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh căn cứ pháp luật giải quyết.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa*:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến tại phiên toà hôm nay: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại các Điều 28, 93, 94, 95, 96, 97 191, 195, 196, 203, 220

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền trình tự thủ tục thu thập chứng cứ đúng pháp luật. Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ kịp thời chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Bị đơn mặc dù không trực tiếp đến Tòa án làm việc nhưng đã có lời khai đầy đủ tại hồ sơ.

- Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị Kiều Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tường V, sinh ngày 17/8/2018 cho chị Kiều Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn; Anh Nguyễn Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Nhưng tại thời điểm thụ lý vụ án, anh Nguyễn Văn T đang xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, lần xuất cảnh gần nhất là vào ngày 13/7/2022 và chưa có thông tin nhập cảnh về nước theo Công văn số 27923/QLXNC-P5, ngày 20/12/2022 của Cục Q Bộ C nên việc Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, do điều kiện công việc nên chị D yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử. Anh Nguyễn Văn T đang ở nước ngoài cũng không thể tham gia giải quyết vụ án nên có ý kiến xin xét xử vắng mặt và ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T1, bà Bùi Thị M1, bố mẹ đẻ anh T giao nhận văn bản, tài liệu của Tòa án. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị Kiều Thị D, anh Nguyễn Văn T theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ tình cảm*: Chị Kiều Thị D và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc, đảm bảo điều kiện kết hôn và đăng ký đúng quy định của pháp luật, do đó có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, chị D cũng như anh T đều khẳng định: Mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh do bất đồng quan điểm, thiếu tin tưởng lẫn nhau dẫn đến thường xuyên cải vã, xúc phạm lẫn nhau. Nhất là sau khi anh T đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài thì mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng hơn. Đối với yêu cầu ly hôn của chị D, anh T cũng thống nhất. Xét thấy, sự đồng thuận thống nhất ly hôn giữa chị D và anh T là tự nguyện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; Xét cuộc hôn nhân giữa chị D và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận giải

quyết cho chị Kiều Thị D và anh Nguyễn Văn T được ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Xét đề nghị của hai bên đương sự đều thể hiện ý chí thống nhất giao con chung Nguyễn Tường V, sinh ngày 17/8/2018 cho chị Kiều Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, xét điều kiện hoàn cảnh hiện tại của anh Nguyễn Văn T đang xuất khẩu lao động ở nước ngoài không thể đảm nhận việc nuôi dưỡng cháu V. Hơn nữa, từ khi anh T đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài đến nay, việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V đều do chị D đảm nhận. Vì vậy, để đảm bảo điều kiện sinh sống, học tập ổn định cho cháu V, HĐXX nhận định cần thiết phải giao cháu Nguyễn Tường V cho chị Kiều Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, chị D và anh T đều thống nhất anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX cần công nhận sự tự nguyện thống nhất về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung của các đương sự.

[2.3] *Về tài sản chung*: Xét ý chí cả hai đương sự đều thống nhất tự nguyện không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

[3] *Về án phí*: Chị Kiều Thị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 227, Điều 273, Điều 469, 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57; các Điều 58, 81, 82, 83, 116, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 24, điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Về hôn nhân: Chị Kiều Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tường V, sinh ngày 17/8/2018 cho chị Kiều Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành hoặc. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Chị Kiều Thị D phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000504, ngày 07/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt bị đơn, vắng mặt nguyên đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc khi bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án (hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật).

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THSDS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Cẩm Mỹ;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Lam